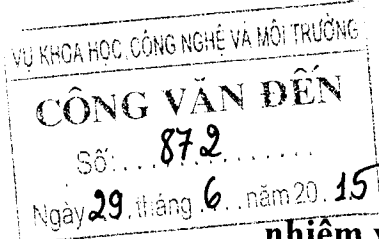


Số: 1318/QĐ-BKH-CN

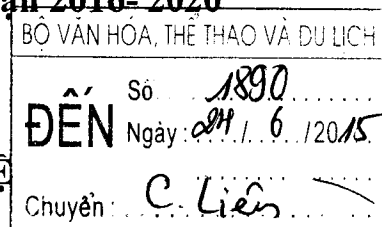
Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn **2016-2020**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN):

Triển khai thực hiện Luật KH&CN năm 2013, xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN, áp dụng các quy định mới về cơ chế đặt hàng, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng thực hiện nhiệm vụ KH&CN và áp dụng cơ chế quỹ cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Thay đổi phương thức cấp kinh phí thường xuyên cho các tổ chức KH&CN công lập thông qua nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN. Nâng cao một bước năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN các cấp.

2. Tập trung các nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển KH&CN chủ yếu:

Đầu tư đúng mức và có trọng điểm cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển lý luận, nghiên cứu phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; Ưu tiên nguồn lực để triển khai các chương trình KH&CN Quốc gia, phát triển sản phẩm quốc gia, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao; Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển KH&CN với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở các cấp, các ngành.

3. Tiếp tục nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia:

Triển khai các biện pháp huy động nguồn vốn xã hội và nguồn vốn nước ngoài nhằm gia tăng đầu tư cho KH&CN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các dự án hợp tác công tư, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư. Tiếp tục đầu tư phát triển các tổ chức KH&CN, xây dựng một số tổ chức KH&CN theo mô hình tiên tiến của thế giới. Phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực KH&CN cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KH&CN đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4. Phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN và các hoạt động dịch vụ KH&CN:

Phát triển thị trường KH&CN gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác sáng chế, ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đầu tư phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia. Hình thành hệ thống doanh nghiệp KH&CN gồm cả doanh nghiệp khởi nghiệp từ các nhóm nghiên cứu mạnh và các tổ chức KH&CN. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ KH&CN, dịch vụ chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh kết nối cung - cầu công nghệ. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN song song với phát triển toàn diện công tác thống kê KH&CN, công khai thông tin về kết quả, hiệu quả hoạt động KH&CN trên toàn quốc.

5. Tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN:

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN nhằm nâng cao khả năng tiếp thu, làm chủ thành tựu công nghệ tiên tiến, sáng tạo ra sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mới, góp phần vào việc phát triển tiềm lực KH&CN, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ với giá trị gia tăng cao.

II. MỤC TIÊU

Ngoài thực hiện được các mục tiêu của Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020 cần đạt được các mục tiêu cụ thể sau đây:

1. Chỉ số đổi mới sáng tạo và một số lĩnh vực KH&CN của Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN, hoàn thành việc chuyển đổi 100% tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

3. Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ trung ương đến địa phương; 100% cán bộ quản lý KH&CN ở các cấp được bồi dưỡng, chuẩn hoá theo quy định.

4. Xây dựng và đưa vào hoạt động Viện KH&CN Việt Nam-Hàn Quốc (V-KIST) theo mô hình tiên tiến của thế giới, có đội ngũ cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới.

5. Thực hiện đầy đủ cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách dành cho KH&CN phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương.

6. Nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ/tỉnh thông qua việc thực hiện cơ chế đặt hàng, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và cấp phát kinh phí theo cơ chế quỹ.

7. Thành lập Quỹ phát triển KH&CN tại các bộ, ngành, địa phương có đủ điều kiện và tại hầu hết các doanh nghiệp nhà nước.

8. Có ít nhất 200 doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm thông qua hoạt động tài trợ của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

9. Thành lập được quỹ đầu tư mạo hiểm của Nhà nước đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

10. Về cơ bản, các công nghệ và trang thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài được kiểm soát và đánh giá chất lượng.

11. Số kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ ngân sách nhà nước được thương mại hoá tăng 10% hằng năm.

12. Xây dựng được tối thiểu 5 sản phẩm quốc gia mang thương hiệu Việt Nam.

13. Giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng và công bố 2.000 TCVN; phần đầu tổng số TCVN được xây dựng giai đoạn 2011-2020 là 6.000 TCVN, 60% TCVN của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực. Tiếp tục xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

14. Hình thành được mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trong đó trọng tâm là các sàn giao dịch công nghệ tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

15. Đảm bảo 100% các kết quả nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp bộ/tỉnh được đăng ký và lưu trữ trên hệ thống thông tin KH&CN quốc gia.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN

1.1. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách mới về hoạt động của các tổ chức KH&CN

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch mạng lưới các tổ chức KH&CN công lập gắn với tái cơ cấu ngành KH&CN để tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động. Các tổ chức KH&CN công lập không phù hợp với quy hoạch và hoạt động yếu kém sẽ phải sáp nhập, giải thể, tổ chức lại.

b) Hoàn thành việc chuyển đổi toàn bộ các tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động cho các tổ chức KH&CN công lập thông qua các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và nhiệm vụ KH&CN. Hỗ trợ các tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thông qua dự án “Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo thông qua nghiên cứu, khoa học và công nghệ - FIRST”, Chương trình đổi mới, sáng tạo Việt Nam – Phần Lan (IPP), Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Chương trình 592) và các dự án, chương trình KH&CN quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thực thi có hiệu quả các quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả. Đẩy mạnh khai thác các sáng chế không được bảo hộ hoặc đã hết thời hạn bảo hộ ở Việt Nam. Thực hiện các quy định về công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và thương mại hóa.

1.2. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách mới về quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính

a) Trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ (năm 2016), Luật Năng lượng nguyên tử (năm 2017), Luật Sở hữu trí tuệ (năm 2018) đáp ứng các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương.

b) Tập trung đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách dành cho KH&CN phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương:

- Thực hiện đề xuất phân bổ 2% tổng chi ngân sách nhà nước dành cho KH&CN theo cơ cấu và tỷ lệ chi: đến 2020 đạt khoảng 30% chi đầu tư phát triển, 55% chi sự nghiệp khoa học và 15% chi dự phòng và quốc phòng, an ninh, tăng tỷ trọng kinh phí cho các tổ chức KH&CN ở trung ương để có đủ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí dành cho KH&CN.

- Thực hiện nghiêm túc cơ chế đặt hàng, quy trình tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Áp dụng triệt để cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Thực hiện phương thức cấp phát kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế quỹ. Kinh phí nhiệm vụ KH&CN được cấp thông qua quỹ phát triển KH&CN của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Kho bạc Nhà nước. Kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý được cấp vào Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các đơn vị dự toán cấp 3 quản lý các chương trình KH&CN cấp quốc gia theo phân công của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

- Hoàn thiện cơ chế hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, hệ thống quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp. Nghiên cứu cơ chế đầu tư của nhà nước vào hoạt động đầu tư mạo hiểm và thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao, hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp.

c) Về tổng mức kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia:

- Trong tổng mức chi sự nghiệp KH&CN, bên cạnh việc bố trí kinh phí chi thường xuyên gắn với hiệu quả hoạt động KH&CN của các tổ chức KH&CN của các bộ, ngành, địa phương, cần ưu tiên kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia.

- Thực hiện phân bổ theo hạn mức cho các chương trình KH&CN cấp quốc gia để giao quyền chủ động cho các bộ, ngành phê duyệt nhiệm vụ KH&CN theo mức độ ưu tiên và không vượt quá khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

- Xây dựng phương án kế hoạch trung hạn đối với vốn sự nghiệp KH&CN trên cơ sở dự kiến về tăng trưởng ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn ngân sách nhà nước, triển khai thí điểm cơ chế đánh giá độc lập, đảm bảo nhiệm vụ KH&CN các cấp có tính ứng dụng và hiệu quả cao; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam để tư vấn, phân biện, giám định xã hội đối với các hoạt động KH&CN.

đ) Xây dựng chính sách hỗ trợ nhập khẩu công nghệ, công nghệ cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên; hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, khai thác sáng chế, giải mã công nghệ nhập khẩu, ưu tiên mua bán công nghệ nội địa do các tổ chức KH&CN tạo ra; thực hiện hiệu quả quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, ngăn chặn nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu, kém chất lượng, tiêu tốn nhiều năng lượng và không đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

e) Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp đổi mới công nghệ; khuyến khích các tổ chức KH&CN liên kết với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực; sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong triển khai cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

g) Thực hiện cơ chế đầu tư đặc biệt đối với sản phẩm quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh.

1.3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN các cấp

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ trung ương đến cơ sở theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

b) Rà soát, xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý KH&CN của lực lượng cán bộ quản lý KH&CN ở các cấp. Thực hiện đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Thành lập Học viện quản lý KH&CN nhằm đào tạo nguồn nhân lực quản lý trình độ cao về KH&CN.

c) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức quản lý KH&CN ở các cấp. Chuẩn hóa cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan chuyên môn quản lý KH&CN ở Trung ương và địa phương.

2. Tập trung các nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển KH&CN chủ yếu

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các hướng công nghệ ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020, trong đó tập trung nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển KH&CN chủ yếu như sau:

- Rà soát, tổ chức lại các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước. Tập trung nguồn lực để thực hiện các chương trình KH&CN trọng điểm và chương trình KH&CN quốc gia.

- Đầu tư đúng mức và có trọng điểm cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn và khoa học tự nhiên phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Ưu tiên đặc biệt cho các nhiệm vụ phục vụ tiềm lực quốc phòng.

- Ưu tiên nguồn lực để phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ cơ khí-tự động hóa và công nghệ môi trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, y-dược, giao thông, xây dựng, năng lượng, khoa học và công nghệ biển, khoa học và công nghệ quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ vũ trụ.

- Khoa học và công nghệ ở các vùng, địa phương: tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong các vùng kinh tế trọng điểm; tiếp tục triển khai Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ và Chương trình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn, miền núi và vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020.

3. Tiếp tục nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia

3.1. Triển khai các biện pháp huy động nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển KH&CN

a) Thực thi quyết liệt các cơ chế, chính sách và các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ đầu tư cho KH&CN từ xã hội đạt mức cao hơn 2-3 lần so với đầu tư từ ngân sách nhà nước, trong đó có cơ chế hợp tác công tư đồng tài trợ với sự hỗ trợ của Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia, Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia và các chương trình KH&CN Quốc gia khác nhằm huy động các nguồn vốn đầu tư cho KH&CN từ các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

b) Xây dựng và thực thi hiệu quả các quy định về việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp nhà nước phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế của doanh nghiệp và doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích trích tối đa 10% thu nhập tính thuế của doanh nghiệp để lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp hoặc đóng góp cho Quỹ phát triển KH&CN của nhà nước ở Trung ương hoặc địa phương.

c) Đẩy mạnh các nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư và Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương nhằm huy động nguồn vốn nước ngoài hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ mới vào Việt Nam và giải quyết những vấn đề KH&CN của Việt Nam.

d) Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

3.2. Đầu tư phát triển các tổ chức KH&CN

a) Đầu tư, hỗ trợ việc thành lập mới và phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN công lập, các tổ chức KH&CN trọng điểm theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Ban hành tiêu chí, lựa chọn một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới để tập trung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu, đảm bảo đến năm 2020, một số lĩnh vực nghiên cứu có cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt trình độ tiến tiến trong khu vực.

c) Thí điểm thành lập một số tổ chức KH&CN theo mô hình tiên tiến của thế giới, trước tiên là Viện KH&CN Việt Nam-Hàn Quốc (V-KIST). Ban hành và áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù đối với V-KIST.

d) Lựa chọn và tập trung đầu tư tại mỗi vùng kinh tế trọng điểm ít nhất một tổ chức KH&CN mạnh gắn với tiềm năng, lợi thế của vùng, để đào tạo nhân lực, giải quyết những vấn đề KH&CN của vùng.

đ) Khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu có uy tín của nước ngoài ở Việt Nam.

3.3. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN cả về số lượng và chất lượng

a) Đẩy mạnh triển khai quy hoạch phát triển nhân lực KH&CN gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn năm 2030.

b) Thực thi hiệu quả chính sách thu hút và trọng dụng cán bộ KH&CN theo Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

c) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện chương trình, đề án đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN. Chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học. Tăng số lượng các nhà khoa học trẻ chủ trì các nhiệm vụ KH&CN quốc gia.

d) Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN theo hướng giao quyền tự chủ cao cho thủ trưởng tổ chức KH&CN.

đ) Tổ chức trao giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng nhà nước về KH&CN năm 2016, các giải thưởng KH&CN khác và các hoạt động hỗ trợ, tôn vinh các nhà sáng chế không chuyên nghiệp.

3.4. Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KH&CN đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

a) Rà soát để đầu tư nâng cao năng lực của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Kiên quyết không đầu tư cho các phòng thí nghiệm trọng điểm hoạt động không hiệu quả và làm thủ tục bàn giao cho các đơn vị chủ trì để tiếp tục quản lý.

b) Triển khai quy hoạch các khu công nghệ cao; đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao quốc gia. Hoàn thành dự án đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao Hòa Lạc.

c) Tăng cường tiềm lực thông tin KH&CN quốc gia, dành tỉ lệ hợp lý ngân sách hoạt động KH&CN cho thông tin KH&CN. Hoàn thiện và sử dụng hiệu quả hạ tầng thông tin và thống kê KH&CN quốc gia. Thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng mạng VinaREN kết nối phục vụ hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các trung tâm thông tin và thống kê KH&CN ở Trung ương và địa phương.

d) Xây dựng trung tâm KH&CN hạt nhân phục vụ nghiên cứu, phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình. Nâng cấp và xây dựng mới một số trung tâm chiếu xạ phục vụ bảo quản, chế biến sản phẩm tiêu dùng và xuất khẩu. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ khai báo, định vị, quản lý các nguồn phóng xạ.

4. Phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN và các hoạt động dịch vụ KH&CN

4.1. Hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN: các tổ chức dịch vụ KH&CN, trong đó chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hỗ trợ nâng cao năng lực cho các Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của địa phương. Đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng kết nối với các sàn giao dịch công nghệ, các doanh nghiệp trong khu vực và thế giới. Đào tạo khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp KH&CN, phát triển nguồn nhân lực cho các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

4.2. Phát triển các doanh nghiệp KH&CN thông qua thúc đẩy phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, xây dựng thí điểm các quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học, viện nghiên cứu. Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu phát triển và quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

4.3. Tăng cường hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân. Nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, thu hút các nguồn đầu tư vào các hoạt động sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

4.4. Xây dựng chính sách và bố trí nguồn lực để hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; xã hội hoá dịch vụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp, hỗ trợ khai thác nguồn thông tin sáng chế ở trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ nghiên cứu giải mã, làm chủ công nghệ được chuyển giao ở trong nước và từ nước ngoài.

4.5. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống TCVN đến năm 2020. Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đáp ứng yêu cầu quản lý các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh và ô nhiễm môi trường. Đào tạo nâng cao năng lực xây dựng tiêu chuẩn cho các Bộ, ngành và doanh nghiệp.

4.6. Đầu tư phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bổ sung, duy trì và hoàn thiện hệ thống chuẩn các lĩnh vực đo hiện có, đảm bảo tính liên kết với chuẩn quốc tế. Đầu tư tăng cường năng lực đo lường, thử nghiệm cho các trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng ở Trung ương và địa phương đáp ứng yêu cầu quản lý trong nước và hội nhập quốc tế.

4.7. Thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng thông qua các hoạt động: tuyên truyền, phổ biến kiến thức về năng suất chất lượng; tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho doanh nghiệp; đào tạo nhân lực về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp; hoàn thiện phương pháp tính toán năng suất cấp quốc gia, cấp ngành, cấp địa

phương và doanh nghiệp. Đầu tư nâng cao năng lực Viện năng suất Việt Nam thành Viện Năng suất quốc gia. Tổ chức và quản lý hoạt động mạng lưới cơ quan thông báo và hỏi đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT); Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành; hệ thống thông tin cảnh báo trong nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa kết nối với hệ thống cảnh báo quốc tế.

4.8. Xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu KH&CN quốc gia và của các bộ, ngành, địa phương. Công khai thông tin về việc thực hiện và kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN các cấp. Triển khai toàn diện công tác thống kê KH&CN, đổi mới sáng tạo và đổi mới công nghệ, thiết bị ở tất cả các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp. Tổ chức đánh giá, công bố xếp hạng hằng năm đối với các tổ chức KH&CN.

4.9. Khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp. Tổ chức thường xuyên các ngày hội khởi nghiệp, sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ, chợ công nghệ thiết bị, các hoạt động trình diễn, giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

5.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 18/5/2011, Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 và Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014, trong đó tập trung xây dựng và triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Triển khai các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN, ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các đề tài, dự án mang tính chất chiến lược, lâu dài, phục vụ trực tiếp các Chương trình KH&CN quốc gia và các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế;

b) Xây dựng mạng lưới tìm kiếm công nghệ, bao gồm hoạt động nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia tìm kiếm công nghệ; báo cáo về thông tin công nghệ quốc tế, tiềm năng, thế mạnh và xu hướng phát triển công nghệ trên thế giới; kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư hỗ trợ khởi nghiệp doanh nghiệp KH&CN trong nước;

c) Nghiên cứu, xây dựng báo cáo hồ sơ công nghệ, thuyết minh dự án chuyển giao công nghệ từ nước ngoài của các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài;

d) Triển khai dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ với nước ngoài, bao gồm nghiên cứu, làm chủ, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm và sản xuất sản phẩm; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ nước ngoài;

đ) Triển khai các Dự án khác phục vụ công tác quản lý của các Chương trình thuộc Đề án Hội nhập quốc tế về KH&CN đến năm 2020.

5.2. Tiếp tục triển khai và phát huy hiệu quả vai trò của mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị của Bộ KH&CN căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình và phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động KH&CN quy định tại Quyết định này:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 và gửi về Vụ Kế hoạch-Tổng hợp để tổng hợp trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai Quyết định này của Bộ KH&CN;

b) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan liên quan của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng danh mục, mục tiêu, nội dung, kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình KH&CN cấp Quốc gia, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu trong giai đoạn 2016- 2020;

c) Trình Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng có liên quan căn cứ vào nội dung của Quyết định này xây dựng kế hoạch KH&CN giai đoạn 2016-2020 và hằng năm, gửi về Bộ KH&CN để tổng hợp.

3. Hằng năm, Vụ Kế hoạch-Tổng hợp tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu và kế hoạch năm tiếp theo của các bộ, ngành và địa phương, trình Bộ trưởng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ kế hoạch - Tổng hợp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng (để báo cáo)
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Trung ương các đoàn thể chính trị- xã hội;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh/tp;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, VP, Vụ KHTH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Quân